

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tâm.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 25/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 03, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Anh và chị Võ Thị L tìm hiểu yêu thương nhau một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là UBND phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2010. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận êm ấm. Đến đầu năm 2016 chị L bỏ đi khỏi địa phương không trở về, không quan tâm đến gia đình, không nuôi con. Anh P đã tìm mọi cách để liên hệ nhưng vẫn không biết chị L đang sinh sống ở đâu chị L không liên lạc về gia đình và biệt tích cho đến nay. Do đó, anh gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị L mất tích. Ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa ra Quyết định số 01/2020/QĐST-DS tuyên bố chị Võ Thị L mất tích. Do mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị L.

Về con chung: Anh P trình bày có hai con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/7/2012 và Nguyễn Nhật Bảo H, sinh ngày 13/9/2015 hiện nay cả hai con chung đều chung sống với anh P. Vì chị Võ Thị L đã được Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 01/2020/QĐST-DS ngày 12/5/2020 nên anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu M và cháu H, chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thu lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa làm việc, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa ... nhưng chị L không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, không có lời khai của chị L trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Duy P. Về con chung hiện nay cả hai con chung đều do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P yêu cầu được nhận nuôi cả 2

con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, xét thấy chị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M và cháu H cho anh P nhận nuôi dưỡng là phù hợp và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh P khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh P chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Võ Thị L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Tổ dân phố 03, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2]. Về tố tụng: Chị Võ Thị L được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 25/TB-TLVA ngày 23/10/2020; hai giấy triệu tập số 75/GTT-TA và số 76/GTT-TA ngày 23/10/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 553/TB-TA ngày 20/11/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 545/TB-TA ngày 09/12/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2020, nhưng chị L không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do. Anh Nguyễn Duy P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy P và chị Võ Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là UBND phường T thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị L là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh P xin ly hôn với chị L, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy chị Võ Thị L đã được Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa tuyên bố mất tích vào ngày 12/5/2020, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho chị L, nhưng chị L không có mặt tại địa phương nên không có ý kiến trình bày, điều này chứng tỏ từ sau ngày 12/5/2020 đến nay chị L không trở về địa phương. Tại khoản 2 Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa giải quyết cho ly hôn*”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Anh P và chị L có hai con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/7/2012 và Nguyễn Nhật Bảo H, sinh ngày 13/9/2015. Từ khi chị Ly mất tích đến nay hai cháu chung sống với anh P, nay anh P yêu cầu tiếp tục nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Võ Thị L đã bị Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa tuyên bố mất tích vào ngày 12/5/2020, và từ khi thụ lý vụ án đến nay chị L không về địa phương – không rõ chị L ở đâu. Do đó, giao cháu M và cháu H cho anh P tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp thực tế, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với phân tích, nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Duy P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P, anh Nguyễn Duy P được ly hôn chị Võ Thị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/7/2012 và Nguyễn Nhật Bảo H, sinh ngày 13/9/2015 cho anh Nguyễn Duy P nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P chưa yêu cầu chị Võ Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005609 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Nguyễn Duy P và chị Võ Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND phường T Tp Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng